

Số: 115/QĐ-TTĐVVV

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước  
năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 21/TB-LĐTĐ ngày 09/04/2024 của Sở lao động – Thương binh và Xã hội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Trung tâm được quy định tại quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Hành chính Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm (kèm theo biểu 8 ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Hành chính – Kế toán, các phòng có liên quan và nhân viên Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Các phòng thuộc Trung tâm;
- Lưu: VT, HC-KT.



Trần Thị Thủy Trâm



## 2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh phí, khi thực hiện chi tăng lương theo quy định phải thực hiện chi từ nguồn CCTL.

- Đề nghị đơn vị khẩn trương rà soát số liệu và phối hợp với Sở để tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ XÉT DUYỆT**

(ký và ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Biên Thùy

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC XÉT DUYỆT**

**Thủ trưởng đơn vị**

(ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thùy Lâm



The right of the individual to privacy is a fundamental right. It is a right that is protected by the Constitution. The right of privacy is a right that is not explicitly mentioned in the Constitution, but it is a right that is implied by the Constitution. The right of privacy is a right that is essential to the development of the individual's personality. It is a right that is essential to the individual's ability to make choices about his or her life. The right of privacy is a right that is essential to the individual's ability to live a life of dignity and respect.

THE RIGHT OF PRIVACY IS A FUNDAMENTAL RIGHT. IT IS A RIGHT THAT IS PROTECTED BY THE CONSTITUTION. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS IMPLIED BY THE CONSTITUTION. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE DEVELOPMENT OF THE INDIVIDUAL'S PERSONALITY. IT IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE INDIVIDUAL'S ABILITY TO MAKE CHOICES ABOUT HIS OR HER LIFE. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE INDIVIDUAL'S ABILITY TO LIVE A LIFE OF DIGNITY AND RESPECT.



Handwritten signature or initials, possibly "M. J. [unclear]".

THE RIGHT OF PRIVACY IS A FUNDAMENTAL RIGHT. IT IS A RIGHT THAT IS PROTECTED BY THE CONSTITUTION. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS IMPLIED BY THE CONSTITUTION. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE DEVELOPMENT OF THE INDIVIDUAL'S PERSONALITY. IT IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE INDIVIDUAL'S ABILITY TO MAKE CHOICES ABOUT HIS OR HER LIFE. THE RIGHT OF PRIVACY IS A RIGHT THAT IS ESSENTIAL TO THE INDIVIDUAL'S ABILITY TO LIVE A LIFE OF DIGNITY AND RESPECT.

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023  
của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai**

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 10 tháng 04 năm 2024

Tại: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai

- Đ/c: Trần Thị Thùy Trâm - Giám đốc
- Đ/c: Nguyễn Thị Kim Thùy - Chủ tịch Công đoàn
- Đ/c: Đỗ Hoàng Quốc Huy - Phụ trách Kế toán

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai bằng hình thức Niêm yết tại bảng thông tin trụ sở làm việc.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 9h ngày 10 tháng 04 năm 2024

Thực hiện niêm yết công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai tại nơi làm việc thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 90 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định.

Biên bản lập xong hồi 9h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**PT Kế toán**

**Chủ tịch Công Đoàn**

**Giám đốc**



**Đỗ Hoàng Quốc Huy**

**Nguyễn Thị Kim Thùy**

**Trần Thị Thùy Trâm**





Biểu số 8 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM TỈNH ĐỒNG NAI

Chương: 424

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 45a/QĐ-TTĐVVL ngày 10 / 04 /2024  
của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai)

Đv tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>1,410.6</b>	<b>1,410.6</b>	<b>0.0</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>940.0</b>	<b>940.0</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	940.0	940.0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>470.6</b>	<b>470.6</b>		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	470.6	470.6		
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				

Huy

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Vng



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

1/10



Số: 21 /TB-SLĐTBXH

Đồng Nai, ngày 09 tháng 04 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Đơn vị: Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh

Mã chương: 424

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm dịch vụ việc làm và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 27/03/2024 giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm dịch vụ việc làm ;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm dịch vụ việc làm như sau:

**I. Phần số liệu:**

**1. Số liệu quyết toán:**

a) Thu phí, lệ phí	
- Số dư năm trước chuyển sang:	0 đồng;
- Tổng số thu trong năm:	0 đồng
- Tổng số kinh phí quyết toán:	0 đồng
- Số kinh phí chuyển năm sau:	0 đồng
b) Quyết toán chi ngân sách:	
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng;
- Dự toán được giao trong năm	1.410.600.000 đồng; trong đó:
+ Dự toán giao đầu năm:	1.534.600.000 đồng;
+ Dự toán giảm trong năm:	124.000.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm:	1.121.625.158 đồng;
- Kinh phí quyết toán:	1.121.625.158 đồng;
- Kinh phí hủy trong năm:	288.974.842 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	237.491.459 đồng; bao gồm:
+ Kinh phí đã nhận:	0 đồng;
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	237.491.459 đồng;
c) Nguồn thu khác (dịch vụ)	
- Số thu trong năm:	1.316.325.000 đồng;

- Chi phí trong năm	1.037.890.727 đồng;
- Chi nộp thuế trong năm	56.706.855 đồng;
- Chênh lệch thu - chi	221.727.418 đồng;
- Trích cải cách tiền lương	88.690.967 đồng.
- Trích lập quỹ	133.036.451 đồng

d) Hoạt động tài chính khác (lãi thu được từ quỹ trích lập): 8.600.680 đồng.

## 2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

Đơn vị đã nộp NSNN theo thông báo số 845/TB-KVXIII ngày 26/12/2023 của Kiểm toán nhà nước, Sở Lao động - TBXH đã báo cáo tại Văn bản số 1455/SLĐTĐTBXH-KHTC ngày 05/03/2024.

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	203.586.500 đồng.
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:	203.586.500 đồng.
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:	0 đồng.

## 3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

(Kèm theo Biên bản xét duyệt quyết toán)

## II. Nhận xét và kiến nghị:

### 1. Nhận xét:

- Đơn vị nộp BCQT và BCTC đúng thời gian quy định
- Thực hiện công khai ngân sách theo quy định.
- Trong năm 2023, mức lương cơ sở tăng theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị không sử dụng nguồn CCTL để chi phần chênh lệch lương tăng thêm cho người lao động mà sử dụng chi từ nguồn thu sự nghiệp (đã chi tháng 7 và tháng 8/2024).


### 2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh phí, khi thực hiện chi tăng lương theo quy định phải thực hiện chi từ nguồn CCTL.
- Đề nghị đơn vị khẩn trương rà soát số liệu và phối hợp với Sở để tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Sở TC;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC *KMC*



Nguyễn Thị Thu Hiền

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 27 tháng 03 năm 2024

**BIÊN BẢN**  
**XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NĂM 2023**

**Đơn vị được xét duyệt: Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai**  
**Mã chương: 424**

**I. Thành phần xét duyệt:**

**1. Đại diện đơn vị xét duyệt:**

- |                           |                       |
|---------------------------|-----------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Biên Thùy | Phó trưởng phòng KHTC |
| - Bà Vũ Thanh Nguyên      | Chuyên viên           |
| - Bà Nguyễn Thị Yến Nhi   | Chuyên viên           |
| - Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh | Chuyên viên           |
| - Ông Lư Hồng Quảng       | Chuyên viên           |

**2. Đại diện đơn vị dự toán được xét duyệt:**

- |                         |                   |
|-------------------------|-------------------|
| - Bà Trần Thị Thùy Trâm | Giám đốc          |
| - Ông Đỗ Hoàng Quốc Huy | Phụ trách Kế toán |

**II. Nội dung xét duyệt:**

**1. Phạm vi xét duyệt:**

Quyết toán kinh phí sự nghiệp đảm bảo xã hội ngân sách năm 2023.

**2. Giới hạn xét duyệt**

Đơn vị xét duyệt quyết toán thực hiện trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do đơn vị được xét duyệt cung cấp, không kiểm tra toàn bộ chứng từ thu - chi của đơn vị (chỉ kiểm tra chọn mẫu chứng từ nguồn ngân sách đảm bảo xã hội); không xác nhận đối tượng thụ hưởng, chỉ kiểm tra trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do đơn vị cung cấp; không đối chiếu và xác minh tính hợp pháp của các hóa đơn tài chính, chứng từ kế toán phát sinh trong năm của đơn vị; đối với các khoản chi sửa chữa, mua sắm, đơn vị xét duyệt quyết toán không thực hiện kiểm tra chi tiết đơn giá, khối lượng thực tế tại đơn vị, chỉ kiểm tra trình tự, thủ tục thanh toán, đúng định mức theo quy định hiện hành. Đơn vị tự chịu trách nhiệm về nội dung đã thực hiện.

**3. Số liệu quyết toán:**

a) Quyết toán chi ngân sách nguồn 12- 370-398

- Kinh phí năm trước chuyển sang:

0 đồng;



- Tổng kinh phí giao trong năm: 470.600.000 đồng;
- Tổng số kinh phí quyết toán: 419.116.617 đồng;
- Kinh phí còn lại (hủy): 51.483.383 đồng.

b) Quyết toán chi ngân sách nguồn 13-370-398

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Tổng DT giao trong năm: 940.000.000 đồng;
- Tổng số kinh phí quyết toán: 702.508.541 đồng;
- Kinh phí còn lại (mang sang): 237.491.459 đồng.

**4. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:**

Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: số tiền 203.586.500 đồng, chứng từ nộp tiền số CTK01 ngày 22/02/2024 (theo thông báo số 845/TB-KVXIII ngày 26/12/2023 của Kiểm toán nhà nước) đã báo cáo tại Văn bản số 1455/SLĐTBXH-KHTC ngày 05/03/2024 của Sở Lao động - TBXH.

**5. Thuyết minh số liệu xét duyệt với số liệu báo cáo của đơn vị được xét duyệt:**

**III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:**

1. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 221.727.418 đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.
- Trích lập các Quỹ: 133.036.451 đồng.
- Kinh phí cải cách tiền lương: 88.690.967 đồng.

2. Hoạt động tài chính khác (lãi thu được từ các quỹ trích lập): 8.600.680 đồng

**IV. Nhận xét và kiến nghị:**

**1. Nhận xét:**

- Đơn vị nộp BCQT và BCTC đúng thời gian quy định
- Thực hiện công khai ngân sách theo quy định.
- Trong năm 2023, mức lương cơ sở tăng theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị không sử dụng nguồn CCTL để chi phần chênh lệch lương tăng thêm cho người lao động mà sử dụng chi từ nguồn thu sự nghiệp (đã chi tháng 7 và tháng 8/2024).